

Mẫu số 02.2

Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam - NAPAS

**BẢN YÊU CẦU CHÀO GIÁ
DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN**

Gói mua sắm: Đăng ký quốc tế nhãn hiệu tại 10 quốc gia
Bên yêu cầu: Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam
Phát hành ngày: 09/04/2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN YÊU CẦU



Vũ Thị Thùy



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐVCC	Đơn vị cung cấp
HSCG	Hồ sơ chào giá
NAPAS/Công ty	Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
YCCG	Yêu cầu chào giá

MỤC LỤC

Chương I. YÊU CẦU NỘI DUNG HỒ SƠ CHÀO GIÁ	3
Mục 1. Khái quát	3
Mục 2. Các tài liệu ĐVCC cần chuẩn bị	3
Mục 3. Thời gian có hiệu lực của HSCG	3
Mục 4. Quy cách của HSCG và chữ ký trong HSCG.....	3
Mục 5. Nội dung và tiếp nhận HSCG.....	3
Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSCG	4
Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá HSCG.....	4
Mục 2. Làm rõ HSCG.....	5
Mục 3. Thương thảo hợp đồng	6
Mục 4. Điều kiện đối với ĐVCC được xem xét, đề nghị ký hợp đồng.....	6
CHƯƠNG III. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA VIỆC MUA SẮM	7
CHƯƠNG IV. MẪU BIỂU	8
Mẫu số 1.....	8
ĐƠN DỰ CHÀO GIÁ	8
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO	10
Mẫu số 2.....	11
HỢP ĐỒNG DO ĐƠN VỊ CUNG CẤP THỰC HIỆN	11
Mẫu số 3.....	12
HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ	12

Chương I. YÊU CẦU NỘP HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Bên yêu cầu: Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam
2. Tên gói mua sắm dịch vụ: Dịch vụ đăng ký quốc tế nhãn hiệu tại 10 quốc gia
3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
4. Thời gian thực hiện Hợp đồng: 28 tháng kể từ khi ký Hợp đồng.

Mục 2. Các tài liệu ĐVCC cần chuẩn bị

HSCG phải bao gồm các thành phần sau:

1. Đơn dự chào giá theo Mẫu số 1 đính kèm;
2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của ĐVCC:
 - 2.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của ĐVCC:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (còn hiệu lực) do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2.2. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của ĐVCC: Yêu cầu ĐVCC cung cấp một hoặc nhiều hợp đồng tương tự trong đó có một số hạng mục dịch vụ như (nhãn hiệu, đăng ký quốc tế,...) với giá trị tối thiểu được xác định bằng cách cộng các Hợp đồng với tổng giá trị các hợp đồng lớn hơn hoặc bằng **626.603.340 VND (Bảng chữ: Sáu trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm linh ba nghìn, ba trăm bốn mươi đồng ./.)**.

3. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo Biểu mẫu đính kèm.

Mục 3. Thời gian có hiệu lực của HSCG

Thời gian có hiệu lực của HSCG là 30 ngày, kể từ thời điểm hết hạn nộp HSCG.

Mục 4. Quy cách của HSCG và chữ ký trong HSCG

1. ĐVCC phải chuẩn bị 01 bộ có đóng dấu hợp pháp và/hoặc có chữ ký hợp lệ.
2. HSCG phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy/ xóa được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự chào giá, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSCG và một số biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của ĐVCC ký, đóng dấu hợp lệ.

3. ĐVCC có thể nộp bản sửa đổi HSCG kèm văn bản đề nghị có xác nhận của đại diện hợp pháp đến Bên yêu cầu trước thời điểm hết hạn nộp HSCG.

Mục 5. Nộp và tiếp nhận HSCG

1. ĐVCC nộp HSCG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội không muộn hơn: 15 giờ 00 phút ngày 15/04/2026.

2. ĐVCC có thể nộp bản chụp/ scan màu của HSCG qua thư điện tử (thanhnt1@napas.com.vn) theo quy định về thời gian tại Khoản 1 Mục này.

3. Trường hợp ĐVCC cần gia hạn thời hạn nộp HSCG, ĐVCC phải gửi văn bản đề nghị nêu rõ lý do và có xác nhận của đại diện hợp pháp đến Bên yêu cầu trước thời điểm hết hạn nộp HSCG 02 ngày làm việc để Bên yêu cầu xem xét, quyết định.

4. Bên yêu cầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng ĐVCC.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSCG

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá HSCG

Sau khi nhận được HSCG của ĐVCC, Bên yêu cầu sẽ tiến hành đánh giá theo các bước sau:

1. Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ:

a) Có bản gốc Hồ sơ chào giá:

b) Có Đơn dự chào giá đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

- Được ký tên, đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của ĐVCC (là người đại diện theo pháp luật của ĐVCC hoặc người được ủy quyền). Đối với ĐVCC liên danh, Đơn dự chào giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký Đơn dự chào giá theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

- Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong Đơn dự chào giá phải phù hợp với đề xuất về dịch vụ cung cấp;

- Giá chào phải ghi cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên yêu cầu;

c) Thời gian có hiệu lực của HSCG phải đáp ứng yêu cầu tại Mục 3 Chương I của YCCG;

HSCG của ĐVCC sẽ bị loại và không được xem xét tiếp nếu không đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn nêu trên.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các nội dung yêu cầu về kinh nghiệm và năng lực được đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. ĐVCC phải “Đạt” tất cả các tiêu chuẩn tổng quát (tiêu chuẩn về năng lực kinh nghiệm và nhân sự) mới được đánh giá là đủ kinh nghiệm và năng lực tham dự gói mua sắm. Các tiêu chuẩn chi tiết cũng phải đảm bảo “Đạt” thì tiêu chuẩn tổng quát mới được đánh giá là “Đạt”.

ĐVCC được đánh giá là “Đạt” về năng lực và kinh nghiệm thì mới được tiếp tục xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm gồm:

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu		
1	Số năm hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực luật/ sở hữu trí tuệ	Tối thiểu 03 năm tính đến thời điểm hết hạn nộp HSCG	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh/ quyết định thành lập/giấy phép hoạt động hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu		
2	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện Hợp đồng tương tự	ĐVCC cung cấp một hoặc nhiều hợp đồng tương tự mà ĐVCC đã hoàn thành với tư cách là ĐVCC trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến nay trong đó có một số hạng mục dịch vụ (đăng ký quốc tế, nhãn hiệu,...) với giá trị tối thiểu được xác định bằng cách cộng các Hợp đồng với tổng giá trị các hợp đồng lớn hơn hoặc bằng: 626.603.340 VND (<i>Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm linh ba nghìn, ba trăm bốn mươi đồng ./.</i>).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 2

HSCG của ĐVCC sẽ bị loại và không được xem xét tiếp nếu không đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn nêu trên.

3. Tiêu chuẩn đánh giá về dịch vụ, thời gian:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Phạm vi cung cấp, yêu cầu dịch vụ	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Mục 1 Chương III của YCCG.	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Mục 1 Chương III của YCCG.
2	Thời gian thực hiện	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Mục 2 Chương III của YCCG.	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Mục 2 Chương III của YCCG.

4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Phương pháp giá thấp nhất:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi (tham khảo quy định tại Luật đấu thầu);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch (tham khảo quy định tại Luật đấu thầu);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng ĐVCC.

HSCG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 2. Làm rõ HSCG

- ĐVCC được tự gửi tài liệu để làm rõ HSCG đến Bên yêu cầu trong vòng: 01 ngày làm việc, kể từ ngày có thời điểm kết thúc thời gian nhận HSCG.

- Sau khi mở HSCG, ĐVCC có trách nhiệm làm rõ HSCG theo yêu cầu của Bên yêu cầu.

Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên yêu cầu và phản hồi của ĐVCC phải được thực hiện bằng văn bản. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa Bên yêu cầu và ĐVCC có HSCG cần phải làm rõ, bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của ĐVCC tham dự chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSCG đã nộp, không thay đổi giá đã chào. Tài liệu làm rõ HSCG được Bên yêu cầu bảo quản như một phần của HSCG.

- Trong văn bản yêu cầu làm rõ quy định thời hạn làm rõ của ĐVCC. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà Bên yêu cầu không nhận được văn bản làm rõ hoặc văn bản đề nghị gia hạn thời gian làm rõ thì Bên yêu cầu sẽ đánh giá HSCG của ĐVCC theo thông tin nêu tại HSCG nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSCG.

Mục 3. Thương thảo hợp đồng

a) Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- Báo cáo đánh giá HSCG;
- HSCG và các tài liệu làm rõ HSCG (nếu có) của ĐVCC;
- YCCG.

b) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

- Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà ĐVCC đã đề xuất theo đúng yêu cầu của YCCG.

c) Nội dung thương thảo hợp đồng:

- Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa YCCG và HSCG, giữa các nội dung khác nhau trong HSCG với nhau dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn ĐVCC (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết, đảm bảo chất lượng thực hiện gói mua sắm;

- Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

d) Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo hợp đồng.

e) Trường hợp ĐVCC không đến thương thảo theo thời gian quy định trong thư mời thương thảo hợp đồng hoặc thương thảo nhưng không thành công, Bên yêu cầu sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định mời ĐVCC xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các ĐVCC xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên yêu cầu báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Mục 4. Điều kiện đối với ĐVCC được xem xét, đề nghị ký hợp đồng




ĐVCC được xem xét, đề nghị ký hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSCG hợp lệ;
2. Có HSCG đáp ứng yêu cầu về năng lực kinh nghiệm trong bản YCCG.
3. Có HSCG đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong bản YCCG
4. ĐVCC có giá dự chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất (Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất)
5. Có giá đề nghị ký hợp đồng không vượt giá gói mua sắm được duyệt.

CHƯƠNG III. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA VIỆC MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp, yêu cầu dịch vụ

Các hạng mục dịch vụ, yêu cầu và mô tả dịch vụ cung cấp cụ thể như sau:

Dịch vụ	Số lượng	Nhãn hiệu	Nhóm sản phẩm, dịch vụ	Quốc gia chỉ định
Đăng ký quốc tế nhãn hiệu tại 10 quốc gia	03 nhãn hiệu		9, 36, 42	Campuchia (Cambodia), Trung Quốc (China), Ấn Độ (India), Indonesia, Nhật Bản (Japan), Lào (Lao People's Democratic Republic), Hàn Quốc (Republic of Korea), Singapore, Thái Lan (Thailand), Đài Loan (Taiwan)
			9, 36, 42	
			9, 36, 42	

Mục 2. Thời gian thực hiện

Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Quốc gia chỉ định
Dịch vụ đăng ký quốc tế nhãn hiệu tại 10 quốc gia	Gói	Đăng ký quốc tế 03 nhãn hiệu đối với 03 nhóm sản phẩm, dịch vụ tại 10 quốc gia	28 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu/ Quyết định hoặc Thông báo cuối cùng của Cơ quan đăng ký nhãn hiệu	Campuchia (Cambodia), Trung Quốc (China), Ấn Độ (India), Indonesia, Nhật Bản (Japan), Lào (Lao People's Democratic Republic), Hàn Quốc (Republic of Korea), Singapore, Thái Lan (Thailand), Đài Loan (Taiwan)

CHƯƠNG IV. MẪU BIỂU

Mẫu số 1

ĐƠN DỰ CHÀO GIÁ⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)

Sau khi nghiên cứu Yêu cầu chào giá của NAPAS (bao gồm văn bản sửa đổi Yêu cầu chào giá, nếu có), chúng tôi, _____ [Ghi tên ĐVCC], cam kết cung cấp thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của Yêu cầu chào giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ, đồng tiền⁽²⁾ dự chào giá]. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả công việc theo yêu cầu của Yêu cầu chào giá, phù hợp với đề xuất]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ chào giá này với tư cách là ĐVCC chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Những thông tin kê khai trong hồ sơ chào giá là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ khi tham dự gói mua sắm này.
4. Hồ sơ chào giá có hiệu lực là _____ ngày [Ghi số ngày]⁽⁴⁾, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá]⁽⁵⁾.

Đại diện của ĐVCC⁽⁶⁾

[Ghi tên ký tên và đóng dấu⁽⁷⁾]

Ghi chú:

(1) ĐVCC lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam, ĐVCC, thời gian có hiệu lực của HSCG, được đại diện hợp pháp của ĐVCC ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Đồng tiền dự chào giá là: VND (Bên yêu cầu không chấp nhận HSCG của ĐVCC chào giá với đồng tiền khác với quy định này).

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong Đơn dự chào giá (thuộc HSCG) phải phù hợp với đề xuất thực hiện dịch vụ, tiến độ thực hiện công việc tại Mục 4 Chương I của YCCG và yêu cầu tại Điểm 4 Mục 1 Chương I của YCCG.

(4) Thời gian có hiệu lực của HSCG được tính kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSCG đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong YCCG. Từ thời điểm hết hạn nộp HSCG đến hết 24 giờ của ngày hết hạn nộp HSCG được tính là 01 ngày.

(5) Ghi ngày hết hạn nộp HSCG theo quy định tại Điểm 1, Mục 5, Chương I của YCCG.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung dịch vụ	Quốc gia chỉ định	Nhóm sản phẩm, dịch vụ	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đăng ký quốc tế nhãn hiệu VIETTAP tại 10 quốc gia	Cambodia, China, India, Indonesia, Japan, Lao People's Democratic Republic, Republic of Korea, Singapore, Thailand, Đài Loan (Taiwan)	9, 36, 42		N1
2	Đăng ký quốc tế nhãn hiệu VIETQRPay tại 10 quốc gia				N2
3	Đăng ký quốc tế nhãn hiệu VIETQRGlobal tại 10 quốc gia				N3
Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí (nếu có))					N = N1 + N2 = N3
<i>(Bằng chữ: ...)</i>					

Đại diện hợp pháp của ĐVCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): ĐVCC ghi phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương III – Phạm vi, yêu cầu của việc mua sắm.

Các cột (5), (6): do ĐVCC chào bảo đảm các yêu cầu sau:

- ĐVCC ghi đơn giá chào giá và thành tiền của từng công việc cụ thể.
- Giá chào giá của ĐVCC phải bao gồm chi phí dự phòng và đã bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). ĐVCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSCG theo quy định. Trường hợp ĐVCC tuyên bố giá chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSCG của ĐVCC sẽ bị loại.

Không tách riêng phần chi phí dự phòng mà ĐVCC đã phân bổ trong giá chào giá để xem xét, đánh giá trong quá trình đánh giá HSCG về giá chào.

HỢP ĐỒNG DO ĐƠN VỊ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên đơn vị cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của đơn vị cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng ⁽¹⁾	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên gói mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/gói thầu/gói mua sắm có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Bên yêu cầu:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư/Bên mời thầu/Bên yêu cầu trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư/Bên mời thầu/Bên yêu cầu] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSCG⁽²⁾.		
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
3. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Đại diện hợp pháp của đơn vị cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Đơn vị cung cấp phải gửi kèm theo bản sao hợp đồng.

(2) Đơn vị cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

[ghi tên hợp đồng]

Số:

Gói mua sắm: Đăng ký quốc tế nhãn hiệu tại 10 quốc gia

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Sở hữu Trí tuệ số 50/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005; Luật Sở hữu Trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19/06/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu Trí tuệ số 50/2005/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/06/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp gói mua sắm ____ [ghi tên gói mua sắm] và thông báo kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên yêu cầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên yêu cầu và đơn vị cung cấp được lựa chọn ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____ tại ____, chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

BÊN A: BÊN YÊU CẦU

Tên bên yêu cầu: Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam

Đại diện là ông/bà: Bà Vũ Thị Thùy

Chức vụ: Chánh Văn phòng

Địa chỉ: Tầng 2, 17 và 18, Tòa nhà Pacific Place, số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: 0101517122

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền).
(Sau đây gọi là “Bên A/Bên yêu cầu”)

BÊN B: ĐƠN VỊ CUNG CẤP

Tên đơn vị cung cấp _____ [Ghi tên đơn vị cung cấp được lựa chọn]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền).
(Sau đây gọi là “Bên B/Đơn vị cung cấp”)

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ [tên cụ thể của hợp đồng]
(sau đây viết tắt là “Hợp đồng”) với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

...

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu theo thứ tự ưu tiên sau đây:

1. Văn bản hợp đồng và các phụ lục đính kèm;
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Hồ sơ chào giá và các tài liệu làm rõ hồ sơ chào giá (nếu có) của Bên B được lựa chọn;
4. Yêu cầu chào giá và các tài liệu sửa đổi, bổ sung yêu cầu chào giá (nếu có);
5. Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

2. Thời hạn và phương thức thanh toán: ___ [ghi phương thức thanh toán].

Điều 4. Loại hợp đồng

Hợp đồng trọn gói

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng

[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Điểm 4 Mục 1 Chương

I YCCG và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 6. Trách nhiệm của Bên B

1. ...

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và của hợp đồng này.

Điều 7. Trách nhiệm của Bên A

1. Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 3 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại hợp đồng.

2. Bên A chỉ định ông Nguyễn Tuấn Thành – email: thanhnt1@napas.com.vn là cán bộ phụ trách của Bên A để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 8. Bảo mật

1. Bên B có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan đến Bên A mà Bên B có được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của NAPAS, hoặc theo quy định của pháp luật. Điều khoản này giữ nguyên hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

2. Trường hợp Bên B phải tiết lộ các thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước khi cung cấp thông tin.

3. Trường hợp bất kỳ thông tin nào bị tiết lộ do lỗi của Bên B dẫn đến Bên A phải gánh chịu bất kỳ tổn thất hay thiệt hại nào, Bên B đảm bảo tiến hành các biện pháp khắc phục nhanh chóng để giảm nhẹ hậu quả và bồi thường cho Bên A các tổn thất và thiệt hại phát sinh này.

Điều 9. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm

a) Trường hợp Bên B chậm thực hiện dịch vụ, Bên A có quyền xem xét, phạt 0,1% tổng giá trị (ghi nhận trong Bảng giá đính kèm Hợp đồng) của hạng mục công việc bị chậm cho 01 ngày chậm trễ so với bất kỳ tiến độ nào quy định tại Phụ lục 02 đính kèm Hợp đồng;

Khi số tiền phạt lên đến 8% giá trị Hợp đồng, ngoài việc xem xét phạt Hợp đồng đối với Bên B, Bên A còn có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với Bên B.

b) Trường hợp một Bên vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng, tùy từng trường hợp cụ thể Bên còn lại có quyền xem xét phạt vi phạm đến 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

2. Bồi thường thiệt hại

Ngoài khoản tiền phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bên có hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên còn lại sẽ phải bồi thường toàn bộ số thiệt hại thực tế phát sinh do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng trong thời gian là 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng đều phải được các Bên thống nhất và được lập thành văn bản có chữ ký và con dấu hợp pháp của các bên.

3. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định. [Trường hợp không cần thanh lý hợp đồng thì bỏ nội dung tại khoản này hoặc điều chỉnh phù hợp]

4. Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Bên yêu cầu giữ ____ bộ, Bên B giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phụ lục 01
BẢNG GIÁ CỦA HỢP ĐỒNG
(Đính kèm hợp đồng.....)

Phụ lục 02
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(Đính kèm hợp đồng.....)

Phụ lục (nếu có)
(Đính kèm hợp đồng.....)

